

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/đ: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK8+TD5+RP3	7:25	3+16+3	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
2		RC5+RC6+RC4	7:25	12+5+5	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
3		RP3+RP1	7:25	16+6	0+0		16+6	0+0	
4		RCDM+RP3	9:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
5		TD5+RP2+CLO	9:25	18+0+4	0+0+0		14+0+8	0+0+0	CHUYEN 2 RP2 CLO
6		RP1+RC5	10:25	22+0	0+0		15+7	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ XNXL vsp06 -đổi ca qua TD5;

2/ đi về trong ngày RC5-4ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:30
FLIGHT: 6	TO: RP1 - RC5	CREW: Cương - KHAI - TDUNG	ETA: 12:10
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỒ THIÊN TÂM	RP1	46	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	37	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1					72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	43	1	5	35	75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN MINH HIẾU	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
6	TAO QUANG NGÂN	RP1	41	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THIÊN	RP1	38	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	49	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NAM SINH	RP1	32	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	33	1	10		88	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	36	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN KHÁC HỒNG	RP1	28	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG ĐÌNH BA	RP1	31	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG LỘC	RP1	35	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THUY	RP1	29	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG THE ANH	RP1	45	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN THANH CÔNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM XUAN TRUONG	RP1	44	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HUNG CUONG	RP1	30	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ VŨ	RP1	34	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI SONG TOAN	RP1	42	1	8		72	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	22	19	123	1.610	55	15		
2	RC5	0	0	0	0	50	7		
TOTAL		22	19	123	1.610	105	22		
WEIGHT KG				123	1.610	105			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2020	TO: BK8 - TD5 - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - N Nam	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG HIEN	BK8	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TUAN MINH	BK8	86	1	5		75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN KHAC CUONG	BK8	87-89	3	17		75	CODIEN	Vietnamese
4	NALYVAICHUCK	TD5	64	1	15		110	XAYLAP	Russian
5	PHAM DE	TD5	53	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG MY TRUONG	TD5	58-59	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN DOAN DOAN	TD5	42-43	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN PHI BANG	TD5	56	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
9	LE QUANG HUNG	TD5	49	1	15	15	75	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN LAI	TD5	60-61	2	15		57	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN CHI HA	TD5	63	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
12	LE VAN HOA	TD5	44	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI NGOC HOANG	TD5	51-52	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TRUNG	TD5	65	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN HOAN	TD5	50	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN VAN VINH	TD5	45-46	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN VAN NAM	TD5	62	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAM NGOC NAM	TD5	47-48	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
19	VU MANH THANG	TD5	54-55	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
20	BUI ANH SON	RP3	30	1	5	35	70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRAN VAN SON	RP3	28	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN THANHTRUNG	RP3	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	3	5	27	215	0	0		
2	TD5	16	23	224	1.143	15	14		
3	RP3	3	3	14	205	35	8		
TOTAL		22	31	265	1.563	50	22		
WEIGHT KG				265	1.563	50			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RC5 - RC6 - RC4	CREW: Phong - ĐNam - QTrưởng	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	RC5					70	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	RC5				90	65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN THỊNH	RC5					79	NIPI	Vietnamese
4	NHÂM ĐIỆN BIÊN	RC5					65	NIPI	Vietnamese
5	GUSEINOV	RC5	26	1	10		87	KH-THAC	Russian
6	BUI QUỐC VIỆT	RC5	23	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN NAM THẮNG	RC5	99	1	8		105	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN CỤC	RC5	25	1	8		81	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ QUỐC HUY	RC5	27	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ VĂN TRUNG	RC5	97	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG ANH TỬ	RC5	98	1	8		78	NIPI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN HUÂN	RC5	24	1	5		68	PSV	Vietnamese
13	TRẦN MINH THỊ	RC6	66	1	5		115	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TÂN	RC6	62	1	8	30	74	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VĂN TRƯỞNG	RC6	65	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	63-64	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
17	KIỀU MINH QUYẾT	RC6	61	1	5		63	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	12	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG VĂN TÙNG	RC4	11	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN CÔNG	RC4	10	1	6	30	80	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU TIẾN BÌNH	RC4	13	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	MAI VĂN TUÔNG	RC4	09	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	12	8	58	936	90	11		
2	RC6	5	6	33	393	30	5		
3	RC4	5	5	32	330	30	6		
TOTAL		22	19	123	1.659	150	22		
WEIGHT KG				123	1.659	150			

GRAND TOAL: 1.932 KGS

VSP REP.



VNHS REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RP3 - RP1	CREW: Cường - KHÁI - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG TRUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ TÂN CHAU	RP3	10	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
3	QUÁCH VĂN THAO	RP3	14-15	2	10		71	YTE	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	05	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN ANH	RP3	06	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
6	LUƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	02	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG XUÂN HÙNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG VĂN THƯỜNG	RP3					62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	03-04	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	01	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VĂN HOÀ	RP3	09	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	11	1	4	20	67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	17	1	6	60	65	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN HIẾN	RP3	07-08	2	10		51	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	12-13	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
16	LẠI ĐỨC BAY	RP3	16	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
17	MAMEDOB ELDAR	RP1	23	1	6		82	KH-THAC	Russian
18	KOROQLUEV RAMIL	RP1	22	1	6		71	KH-THAC	Russian
19	NIKITIN DMITRIY	RP1	24	1	7		90	KH-THAC	Russian
20	TRẦN QUANG TÙNG	RP1				40	75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC PHONG	RP1	20	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	21	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	17	94	1.113	80	16		
2	RP1	6	5	35	468	40	6		
TOTAL		22	22	129	1.581	120	22		
WEIGHT KG				129	1.581	120			

GRAND TOAL: 1.830 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/06/2020	TO: RCDM - RP3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - NNam	ETA: 11:20
XANH-2			

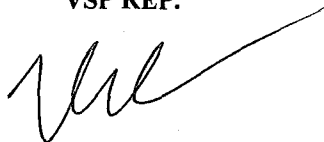
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	29-30	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO DAC TOAN	RCDM	28	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TI	RCDM					65	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐANG MINH DUNG	RCDM	27	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN ANH TUAN	RCDM	31	1	5	50	75	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DINH THANG	RCDM	32	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM HUY DINH	RCDM	25-26	2	15		60	T-TIN	Vietnamese
8	HO TRONG BANG	RCDM	24	1	10		75	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN THANH DUONG	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
10	VU QUANG HUNG	RP3	24	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DOAN THANH	RP3	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH HO	RP3	27	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TU HAI	RP3					60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG VU	RP3					78	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN KIEM HIEU	RP3	33	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
16	LE DUC HUY	RP3	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LUONG VAN LUONG	RP3	28-29	2	8	40	92	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN MINH THANH	RP3	34	1	12		63	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN HAI VIET	RP3	35	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TA PHI KHANH	RP3	30	1	5		75	KHI	Vietnamese
21	LAI VAN MINH	RP3	26	1	5		63	KHI	Vietnamese
22	LUONG ANH HAI	RP3	22	1	6		53	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	8	9	63	545	50	5		
2	RP3	14	12	68	968	40	17		
TOTAL		22	21	131	1.513	90	22		
WEIGHT KG				131	1.513	90			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

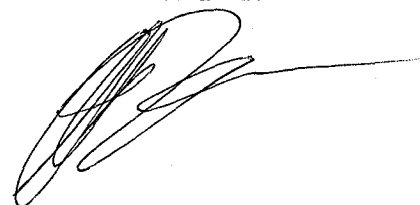
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: TD5 - RP2 - CLO	CREW: Phong - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN LAM	TD5	66-67	2	16		80	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HIỆN	TD5	85	1	6		82	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN LỢI	TD5	73	1	5		58	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐIỀU VĂN THÔNG	TD5	70	1	4		68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGÔ QUANG PHÚC	TD5	68	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC QUANG	TD5	71	1	15		63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC QUANG	TD5	69	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HOÀN	TD5	74	1	8		78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN SỸ ANH TÚ	TD5	72	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH HOÀN	TD5	88	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ BÌNH MINH	TD5	84	1	10		52	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN ĐỨC NGUYỄN	TD5	81-82	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	TD5	75-76	2	12		69	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TRĂNG	TD5	79-80	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐO XUÂN PHƯƠNG	TD5	83	1	10	115	60	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐOÀN THANH QUYÊN	TD5	86	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN DUNG	TD5	77-78	2	15		55	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN KHANG	TD5	87	1	7		55	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN HỮU TRIẾT	CLO	34	1	10		63	DVL	Vietnamese
20	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	38	1	8	10	57	DVL	Vietnamese
21	DƯƠNG MINH VIỆT	CLO	36-37	2	10		62	DVL	Vietnamese
22	TRẦN VĂN THỤ	CLO	35	1	13		52	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	18	23	178	1.208	115	14		CHUYEN 2 PAX RP2 SANG CLO
2	RP2	0	0	0	0	15	1+2		
3	CLO	4	5	41	234	10	7		
TOTAL		22	28	219	1.442	140	22		
WEIGHT KG				219	1.442	140			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/06/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+BK10+P2	7:25	12+8+2	0+0+0		7+6+9	0+0+0	
2		P9+P11+BK6	7:25	16+6+0	0+0+0		13+5+4	0+0+0	CHUYỂN 1 P9- P11
3		P2+P10+BK9	7:25	17+5+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	CHUYỂN 1 P10 BK9
4		TD1+P9+BK3	9:25	6+10+6	0+0+0		1+12+8	0+0+0	
5		BK4+P10+CTK3	9:25	12+10+0	0+0+0		5+12+5	0+0+0	
6		P10+P11+TD2	11:25	19+3+0	0+0+0		8+5+9	0+0+0	
7		BK10+P2+BK8	11:25	5+17+0	0+0+0		1+17+4	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/4 NGƯỜI ĐI TD2, 4 NGƯỜI ĐI P11, 1 NGƯỜI ĐI BK10-VỀ TRONG NGÀY.
2/ 1 NGƯỜI P9 SANG P11 VỀ BỎ CHUYỂN CUỐI



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/06/2020	TO: TD2 - BK10 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - QTrương	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ ANH QUÂN	TD2	72-73	2	10		69	KHOAN	Vietnamese
2	KIEU THỊ HAI NHI	TD2					60	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	TD2	63	1	2		71	D-HANH	Vietnamese
4	ĐOÀN THAI DƯƠNG	TD2	64	1	2		85	D-HANH	Vietnamese
5	VÔ THỊ HAI LY	TD2					65	D-HANH	Vietnamese
6	PHAN HỒNG LĨNH	TD2	65	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THE HANH	TD2	66-67	2	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	TD2	60	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH CÔNG	TD2					64	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	TD2	45	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU LƯU	TD2	68	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG VAN PHUONG	TD2	61	1	3		61	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN BÀU	BK10	28	1	4		62	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	33	1	7	15	77	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	30	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ XUÂN THUY	BK10	29	1	7	50	67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	26	1	6		54	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG LĨNH	BK10	27	1	9		79	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN CÔNG THANH	BK10	31	1	2		78	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HUY	BK10	37-39	3	15		60	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN DUAN	P2	14-15	2	11		65	SOLAR	Vietnamese
22	LÂM QUANG NAM	P2	13	1	7		82	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	12	11	45	801	50	7		
2	BK10	8	10	55	562	65	6		
3	P2	2	3	18	147	0	9		
TOTAL		22	24	118	1.510	115	22		
WEIGHT KG				118	1.510	115			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P9 - P11 - BK6	CREW: Hạnh - Linh - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

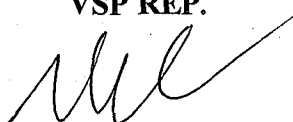
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ THANH	P9	26	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LỢI	P9	27	1	7		75	YTE	Vietnamese
3	IAKIMIDI	P9	21	1	8		100	KH-THAC	Russian
4	LÊ MINH THUY	P9	18	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN BA KÝ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ AN CHUNG	P9	17	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐAO THIEN THUAT	P9	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	23	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN HÀ	P9	20	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ SỸ BÌNH	P9	19	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VĂN TUAN	P9	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P9	29	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
14	VÕ VĂN THOẠI	P9	25	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO CHI	P9	24	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH THUY	P9					85	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN THỨC LỢI	P11	55	1	4		65	D-HANH	Vietnamese
18	CHU MINH HUNG	P11	37	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
19	MISHIN	P11	38	1	5		108	NIPI	Russian
20	LÂM THỊ HUƠNG	P11	56	1	5	40	60	NIPI	Vietnamese
21	NGUYỄN TRUNG HAI	P11	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ VIỆT DŨNG	P11	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	16	13	74	1.184	0	13	1	CHUYEN 1 PAX TU P9 SANG P11
2	P11	6	6	28	448	40	5		
3	BK6	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	19	102	1.632	80	22		
WEIGHT KG				102	1.632	80			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

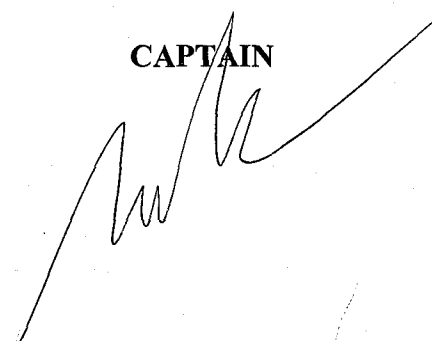
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P2 - P10 - BK9	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ THANH HUNG	P2	61-62	2	18	70	74	YTE	Vietnamese
2	AFANASIEV	P2	50	1	11		99	KH-THAC	Russian
3	CAO VĂN ĐẬU	P2	46	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ CÔNG KHANG	P2	47	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ THANH LONG	P2	45	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	48	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU PHI	P2					71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	51-52	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	53-54	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	58	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN LONG	P2	60	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THE ANH	P2	56	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	49	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH HAI	P2	55	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ QUÝ TOÀN	P2	59	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HOÀI THANH	P10	04,06	2	16	40	61	YTE	Vietnamese
19	HỒ ANH QUỐC	P10	03	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
20	SYSTEROV ROMAN	P10	01	1	10		80	KH-THAC	Russian
21	ĐỖ QUANG HUNG	P10	05	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM HUYNH VŨ	P10	02	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	18	115	1.178	70	16		CHUYEN 01 PAX TU P10 SANG BK9
2	P10	5	6	45	349	40	5		
3	BK9	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	160	1.527	110	21		
WEIGHT KG				160	1.527	110			

GRAND TOAL: 1.797 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/06/2020	TO: TD1 - P9 - BK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - QTrưởng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIỀU TUÂN ANH	TD1	39	1	9		88	DVL	Vietnamese
2	LƯU ĐÌNH TRỌNG	TD1	42	1	15		75	DVL	Vietnamese
3	NGUYỄN HOÀNG	TD1				27	74	DVL	Vietnamese
4	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	47	1	14		79	DVL	Vietnamese
5	NHAM ĐỨC TUÂN	TD1	43-44	2	10		75	DVL	Vietnamese
6	ĐẶNG TRỌNG THỨC	TD1	40-41	2	9		73	DVL	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	42	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DŨNG	P9	31	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	33	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THANH	P9	38	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HAI	P9	32	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	35-36	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	34	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THUY	P9	40-41	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU ĐỨC	P9	37	1	14	8	85	T-TIN	Vietnamese
16	VŨ PHƯƠNG HUY	P9	30	1	7		65	DK9	Vietnamese
17	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	48-49	2	18		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	45	1	2		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK3	46-47	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ NGỌC THĂNG	BK3	78	1	14		85	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ NGỌC CANH	BK3	50-51	2	18	45	77	CODIEN	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC CHI	BK3	52	1	6	50	60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	6	7	57	464	27	1		
2	P9	10	12	70	706	8	12		
3	BK3	6	9	69	420	95	8		
TOTAL		22	28	196	1.590	130	21		
WEIGHT KG				196	1.590	130			

GRAND TOAL: 1.916 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: BK4 - P10 - CTK3	CREW: Hạnh - Linh - Luy	ETA: 11:25
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4					69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	93	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ BÀ TUÂN	BK4	90	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	200	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SÁCH ĐÓN	BK4	83	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ HOANG NAM	BK4	84	1	12		73	KH-THAC	Vietnamese
7	HÀ VĂN TRUNG	BK4	91	1	10	12	84	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG TRỌNG THAO	BK4	85-86	2	16		72	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	89	1	4		65	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN DINH ĐỨC	BK4	99	1	4		77	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	BK4	87	1	12	92	68	PVGAS	Vietnamese
12	TRẦN QUỐC THẮNG	BK4	88	1	10	40	72	PVGAS	Vietnamese
13	NGUYỄN BẢO LÂM	P10	11	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH HẢI	P10	10	1	4	25	63	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NAM	P10	12	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN ĐĂNG TUÂN	P10	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TẤT THANH	P10	15	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM DUY QUANG	P10	13	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH KHOA	P10	14	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ CHI HIỆU	P10	16-17	2	7		69	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH CUÔNG	P10	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	12	12	88	860	144	5		
2	P10	10	11	49	669	25	12		
3	CTK3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	137	1.529	169	22		
WEIGHT KG				137	1.529	169			

GRAND TOTAL: 1.835 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/06/2020	TO: P10 - P11 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Nam - MTHAO - QTrưởng	ETA: 13:30
VANG-3			

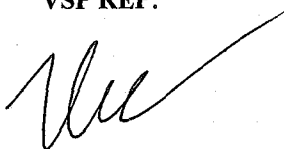
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN TOAN	P10	61	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM NGOC THANH	P10	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CUONG	P10	51	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	P10	49	1	5		91	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG VAN MINH	P10	0				79	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM HIEU LIEM	P10	50	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN LOI	P10	53-54	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH THANH TAM	P10	46-47	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DUY TIEN	P10	63-64	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	TRAN VAN TOAN	P10	73-74	2	13	30	57	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM NGOC DINH	P10	71-72	2	16	18	65	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN MANH HUNG	P10	69-70	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN MANH DUNG	P10	65	1	10	43	71	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM THAI SON	P10	68	1	7		84	XAYLAP	Vietnamese
15	HA VAN PHONG	P10	62	1	8		61	XAYLAP	Vietnamese
16	TRAN MANH VUONG	P10	57	1	7	13	75	XAYLAP	Vietnamese
17	NHAM NGOC THANH	P10	59-60	2	16		71	XAYLAP	Vietnamese
18	LE TRONG HUNG	P10	55	1	5	17	76	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN MINH GIAU	P10	48	1	3		66	PSV	Vietnamese
20	LUONG XUAN THAI	P11	99	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM DUC BINH	P11	98	1	13		76	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN BANG	P11	97	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	25	166	1.329	121	8		
2	P11	3	3	24	207	0	5		
3	TD2	0	0	0	0	30	9		
TOTAL		22	28	190	1.536	151	22		
WEIGHT KG				190	1.536	151			

GRAND TOAL: 1.877 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/06/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 7	TO: BK10 - P2 - BK8	CREW: Hạnh - Linh - Huy	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK10	43	1	10		70	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC ANH	BK10	44	1	4		67	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN HUAN	BK10	45	1	10		60	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	BK10	40	1	10		74	CODIEN	Vietnamese
5	LÂM NHỰT MINH	BK10	41-42	2	20		62	CODIEN	Vietnamese
6	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	19	1	10		64	KHTHAC	Vietnamese
7	VŨ VĂN THỌ	P2	22-23	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2	38	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM SỸ HIỆP	P2	18	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC QUY	P2	24	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH PHONG	P2	26	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI ĐỨC HẬU	P2	29-30	2	17		66	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN THƯA THAI	P2	27-28	2	17		63	CODIEN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THỦ	P2	31	1	5		51	CODIEN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN ANH	P2	16	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ HOÀNG TIỀN	P2	17	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH NGỌC	P2	21	1	8	10	70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH KIẾT	P2	25	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH TUNG LAM	P2	39	1	7	25	62	T-TIN	Vietnamese
20	BUI LONG HUNG	P2	20	1	8		67	PSV	Vietnamese
21	TRẦN QUYẾT TIỀN	P2	33	1	5	120	70	PVGAS	Vietnamese
22	ĐỖ XUÂN LỢI	P2	32	1	5		80	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	6	54	333	0	1		
2	P2	17	20	151	1.167	155	17		
3	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	205	1.500	155	22		
WEIGHT KG				205	1.500	155			

GRAND TOAL: 1.860 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN